

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2021/DS-PT  
Ngày: 04-6-2021  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

*Các Thẩm phán:* - Ông Trần Tuấn Vũ;

- Bà Dong Thúy Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5 và ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021, của Tòa án nhân dân thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trần Kim M, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp MĐ, xã PTh, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M:* Ông Nguyễn Văn R – Luật sư, của Văn phòng Luật Sư Nguyễn Văn R, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt;

**Bị đơn:** Bà Trần Thị D, sinh năm 1954; cư trú tại: Khu phố BM, phường AT, thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D:* Ông Phạm Thanh Đ – Luật sư, của Văn phòng Luật Sư Thanh Đ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị Tr, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp C, xã ANT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1952. cư trú tại: Khu phố BM, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1940; cư trú tại: Khu phố BM, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Kim M là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn bà Trần Kim M trình bày:** Cha mẹ bà là cụ ông Trần Văn C (chết 1971) và cụ bà Hà Thị L (chết 1972). Cụ C, cụ L có 04 người con, gồm: Trần Văn T (chết, không có vợ con), bà Trần Thị D, bà Trần Kim M, bà Trần Thị Tr; ngoài ra, không có con nuôi, con riêng.

Khi còn sống cụ C, cụ L có tạo lập được hai phần đất với diện tích 70 cao đất ruộng và 40 cao đất đồng, tại khu phố BM, phường AT, thị xã TBa. Cụ C, cụ L chết không để lại di chúc nên vào khoảng năm 1994, chị em bà thỏa thuận phân chia 70 cao đất ruộng xong, riêng 40 cao đất đồng giao bà D tạm sử dụng để thờ cúng cha mẹ và anh liệt sĩ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ C, cụ L chết để lại là phần đất 40 cao (diện tích đo đạc thực tế là 4.826,1 m<sup>2</sup>) thành 04 phần bằng nhau; giao bà D hưởng 02 phần (do bà D có công thờ cúng cha mẹ và anh liệt sĩ); bà và bà Tr mỗi người hưởng 01 phần. Do không có nhu cầu sử dụng đất nên bà yêu cầu được hưởng thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Riêng toàn bộ tài sản gắn liền với đất này là tài sản của bà D nên bà không yêu cầu chia.

**Bị đơn bà Trần Thị D trình bày:** Bà thống nhất với lời trình bày của bà Trần Kim M về mối quan hệ huyết thống.

Cụ C, cụ L chết có để lại tài sản là quyền sử dụng đất khoảng 70 cao tại BM, AT, TBa, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng năm 1994, bà, bà M và bà Tr đã thỏa thuận phân chia xong (*khi phân chia có sự chứng kiến của chính quyền địa phương là ông Hai Rổ - Ban quản lý ấp BM (ông Rổ đã chết)*); cụ thể: Đất ruộng 30 cao chia mỗi người 10 cao. Đất đồng 40 cao chia làm hai phần; Bà hưởng 1 phần để thờ cúng ông nội; phần còn lại chia đều cho 03 chị em bà. Anh chị em của bà đều đã nhận đất, kê khai đăng ký và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong.

Đối với phần đất có diện tích 4.827 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4.826,1 m<sup>2</sup>), thuộc thửa 207, tờ bản đồ 20 (bản đồ 2000), tại khu phố BM, phường AT, thị xã TBa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02104 ngày 12-10-2006 do Ủy ban nhân dân thị xã TBa cấp cho bà Trần Thị D và ông Bùi Văn Th đứng tên, là tài sản riêng của bà và ông Thành; không phải di sản thừa kế của cụ C, cụ L chết để lại. Đất này bà đã sử dụng ổn định lâu dài trên 30 năm, bà đã kê khai, đăng ký và vợ chồng bà đã được Ủy ban nhân dân thị xã TBa cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Nay bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim M.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Th trình bày:** Ông là chồng bà Trần Thị D, ông thống nhất với lời trình bày của D.

Nay ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim M.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tr trình bày:** Bà thống nhất với lời trình bày của của bà M, bà D về mối quan hệ huyết thống.

Bà xác định, phần đất có diện tích 4.826,1 m<sup>2</sup>, tại khu phố BM, phường AT, thị xã TBA mà bà M đang tranh chấp là tài sản riêng của bà Trần Thị D, không phải di sản thừa kế của cụ C, cụ L chết để lại.

Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim M. Nếu Tòa án có chấp nhận phân chia tài sản thừa kế theo yêu cầu của bà M và chia cho bà hưởng một suất thừa kế thì bà cũng không nhận, bà yêu cầu giao toàn bộ kỷ phần nếu bà được phân chia cho bà D được hưởng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị D được cấp là thửa đất 638, tờ bản đồ 03, tại khu phố BM, phường AT, thị xã TBA là phần đất bà đang sử dụng. Tuy nhiên, sau khi chuyển qua bản đồ lưới 2005 thì bà đã điều chỉnh cho đúng hiện trạng. Nay bà không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án bà M tranh chấp với bà D nên bà không có ý kiến.

**Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021, của Tòa án nhân dân thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh, quyết định:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim M “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với bà Trần Thị D. Đối với quyền sử dụng đất có diện tích 4.826,1 m<sup>2</sup>, thửa 437, tờ bản đồ 22 (Bản đồ 2005), tương ứng thửa 207, tờ bản đồ 20 (Bản đồ 2000), tương ứng trong thửa 788, tờ bản đồ 03 (Bản đồ 299), tọa lạc tại: Khu phố BM, phường AT, thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hàng năm khác (BHK). Có tứ cận: Đông giáp đất ông M, dài 118,64 m; Tây giáp đất bà Nh, dài 119,42 m; Nam giáp đất ông B, dài 39,71 m; Bắc giáp đường đất, dài 41,51 m (có sơ đồ kèm theo). Ghi nhận các đương sự không tranh chấp tài sản gắn liền với đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, nguyên đơn bà Trần Kim M kháng cáo toàn bộ bản án; bà M yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Trần Kim M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn bà Trần Thị D không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

**[1] Về tố tụng:** Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về thừa kế tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

Xét kháng cáo của bà Trần Kim M yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn C, cụ Hà Thị L (cha mẹ bà M) là phần đất có diện tích 4.826,1 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 437, tờ bản đồ 22 (Bản đồ 2005), tại: Khu phố BM, phường AT, thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh. Theo bản đồ 2000, thuộc thửa 207, tờ bản đồ 20, diện tích 4.827 m<sup>2</sup>, do bà Trần Thị D và ông Bùi Văn Th kê khai đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân thị xã TBA cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02104 ngày 12-10-2006 cho bà D, ông Thành đứng tên. Xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Trần Văn C (chết năm 1971), cụ Hà Thị L (chết năm 1972). Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện của bà Trần Kim M ngày 21-7-2020, về yêu cầu chia thừa kế của cụ C, cụ L. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015, quy định thời hiệu yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm nên thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C, cụ L vẫn còn trong thời hạn luật định. Thời điểm mở thừa kế của cụ C, cụ L được xác định là ngày 10-9-1990 (ngày Pháp lệnh thừa kế có hiệu lực thi hành).

[2.2] Về hàng thừa kế: Cụ C, cụ L có 04 người con chung, không có con riêng hay con nuôi; trong đó 01 người chết (không có vợ con), hiện còn 03 người, gồm: Bà Trần Thị D, bà Trần Kim M và bà Trần Thị Tr.

Căn cứ theo điểm a Khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự, xác định những người có tên nêu trên thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C, cụ L gồm: Bà Trần Thị D, bà Trần Kim M và bà Trần Thị Tr.

#### **[2.3] Về xác định di sản:**

Bà Trần Kim M xác nhận vào năm 1994, bà M, bà D và bà Tr đã thỏa thuận phân chia tài sản của cụ C, cụ L chết để lại là quyền sử dụng đất, đã nhận đất và được cấp giấy đất xong; riêng phần đất tranh chấp là chưa được phân chia nay bà M yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bà M có nguyện vọng do bà

không có nhu cầu sử dụng đất nên xin được nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất. Bà D không đồng ý chia thừa kế, vì cho rằng đất này của bà D. Bà Tr xác định đất này của vợ chồng bà D nên bà không đồng ý chia thừa kế, nếu có chia thừa kế bà Tr từ chối nhận, bà Tr tự nguyện giao kỷ phần của bà Tr cho bà D được hưởng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Phần đất tranh chấp có diện tích 4.826,1 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 437, tờ bản đồ 22 (Bản đồ 2005), tại khu phố BM, phường AT, thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh. Theo bản đồ 2000, thuộc thửa 207, tờ bản đồ 20, diện tích 4.827 m<sup>2</sup>, do bà Trần Thị D và ông Bùi Văn Th kê khai đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân thị xã TBA cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02104 ngày 12-10-2006 cho bà D, ông Thành đứng tên. Theo bản đồ 299, nằm trong thửa 788, tờ bản đồ 03 (thửa 788 là thửa đo bao, riêng phần đất tranh chấp diện tích 4.826,1 m<sup>2</sup> chưa ai kê khai đăng ký).

Tại biên bản xác minh ngày 20-10-2020 về thông tin sổ mục kê đối với diện tích đất tranh chấp, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh thị xã TBA cung cấp thể hiện (bút lục 86): “..... bà Trần Thị D kê khai đăng ký thửa 638, tờ 03 (Bản đồ 299) là do bà D đăng ký nhằm, sai thửa đất, thửa bà D đăng ký, quản lý, sử dụng đúng là trong thửa 788, tờ bản đồ 03 (Bản đồ 299).....”. Qua kết quả xác minh những người dân sống lâu năm tại khu vực đất tranh chấp đều xác định bà D là người trực tiếp canh tác, sử dụng đất. Do đó, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp do bà D quản lý sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01823 QSDĐ/I10 ngày 20-6-1994 do bà Trần Thị D đứng tên là cấp lần đầu nhưng nhằm số thửa đất và được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02104 ngày 12-10-2006 do bà D, ông Thành đứng tên; chưa thực hiện cấp đổi theo bản đồ 2005.

Bà M và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà M trình bày cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ C, cụ L chết để lại chưa chia thừa kế, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; trên đất tranh chấp không có tài sản (nhà ở, vật kiến trúc, cây lâu năm); đồng thời bà M xác nhận cụ C, cụ L chưa kê khai đăng ký và chưa được cấp một trong các loại giấy tờ về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Tại Công văn số 368/UBND ngày 28-12-2020 của Ủy ban nhân dân thị xã TBA thể hiện (bút lục 125): “.... Phần đất tranh chấp theo bản đồ 2000, thuộc thửa 207, tờ bản đồ 20, diện tích 4.827 m<sup>2</sup> do bà Trần Thị D và ông Bùi Văn Th kê khai đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân thị xã TBA cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02104 ngày 12-10-2006, chưa thực hiện cấp đổi theo bản đồ 2005. Việc Ủy ban nhân dân thị xã TBA cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thành, bà D là đúng quy định pháp luật tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Hiện phần đất này không nằm trong dự án quy hoạch, dự án cần thu hồi đất của thị xã TBA....”.



Đối chiếu với hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình tại Mục 1, phần II, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế của cụ C và cụ L chết để lại chưa chia. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đối với tài sản gắn liền với đất tranh chấp: Các đương sự đều thống nhất toàn bộ tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà D, ông Thành xây dựng, tạo lập và không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim M; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà Trần Kim M phải chịu án phí theo luật định.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, bà Trần Kim M là người cao tuổi nên miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho bà M.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim M.
3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021, của Tòa án nhân dân thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh.
4. Căn cứ vào các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim M “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với bà Trần Thị D. Đối với quyền sử dụng đất có diện tích 4.826,1m<sup>2</sup>, thửa 437, tờ bản đồ 22 (Bản đồ 2005); tương ứng thửa 207, tờ bản đồ 20 (Bản đồ 2000); tương ứng trong thửa 788, tờ bản đồ 03 (Bản đồ 299), tọa lạc tại: Khu phố BM, phường AT, thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hàng năm khác (BHK). Đất có tứ cận: Đông giáp đất ông M, dài 118,64 m; Tây giáp đất bà Nh, dài 119,42 m; Nam đất ông B, dài 39,71m; Bắc giáp đường đất, dài 41,51 m (có sơ đồ kèm theo).

**6.** Ghi nhận các đương sự không tranh chấp tài sản gắn liền với đất.

**7.** Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Trần Kim M phải chịu 3.000.000 đồng. Ghi nhận bà M đã nộp đủ.

**8.** Án phí: Miễn án phí dân sự sơ, phúc thẩm cho bà Trần Kim M;

**9.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**10.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND. TTN;
- TAND thị xã TBa;
- Chi cục THADS thị xã TBa;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Tuấn**